|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ TIỀN GIANG**…………………………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

**BẢNG ĐIỂM**

**Đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể năm 202……**

|  |  |
| --- | --- |
| TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ | **ĐIỂM** |
| **Chuẩn** | **Thưởng** | **Trừ** |
| 1. **TIÊU CHÍ XÂY DỰNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**
 | **35** |  |  |
| 1. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện tốt nội qui, qui chế hoạt động của đơn vị
 | 5 |  |  |
| 1. Thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông
 | 5 |  |  |
| - Đối với đơn vị (*biên chế dưới 100 người*): Có 01 cá nhân vi phạm,  |  |  | *1* |
| - Đơn vị (*biên chế trên 100 người*):  |  |  |  |
| + Dưới 1% vi phạm; |  |  | *1* |
| + Dưới 2% vi phạm, ... |  |  | *2* |
| 1. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trong hoạt động của cơ quan, đơn vị
 | 5 |  |  |
| - Không đảm bảo đúng quy định theo Luật, nghị định về hình thức, thời gian công khai dân chủ. |  |  | *1* |
| - Đơn vị xảy ra vụ mất đoàn kết nội bộ, trong đó có nguyên nhân mất dân chủ được kiểm tra kết luận. |  |  | *2* |
| - Không tổ chức hội nghị CC, VC, NLĐ theo đúng nội dung, thời gian quy định.  |  |  | *2* |
| 1. Thực hiện tốt công tác: thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác phòng, chống tham nhũng (Giao Thanh tra sở y tế xây dựng tiêu chí, nội dung và hướng dẫn các đơn vị thực hiện)
 | 15 |  |  |
| 1. Triển khai thực hiện qui tắc ứng xử, đạo đức công vụ và văn hoá công sở (Xây dựng kế hoạch và tổ chức cho CC, VC, NLĐ đăng ký thực hiện Quy tắc ứng xử theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BYT và thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh tại Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ Y tế; Quyết định số 1983/QĐ-SYT ngày 24/8/2018 của Sở Y tế và văn hoá công sở)
 | 5 |  |  |
| + Có CC, VC, NLĐ bị phản ảnh không thực hiện tốt qui tắc ứng xử hoặc đạo đức công vụ hoặc văn hoá công sở (xác minh đúng) |  |  | *5* |
| 1. **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ**
 | **55** |  |  |
| 1. Việc cụ thể hóa, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm để thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn ở cơ quan, đơn vị.
 | 5 |  |  |
| 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chương trình, kế hoạch công tác năm được Sở Y tế giao
 |  |  |  |
| - Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác năm đạt chất lượng và hiệu quả | 35 |  |  |
| - Hoàn thành từ 80 đến dưới 100% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác năm | 25 |  |  |
| - Hoàn thành từ 50 đến dưới 80% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác năm | 15 |  |  |
| - Hoàn thành dưới 50% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác năm | *5* |  |  |
| \* Nếu hoàn thành 100% nhiệm vụ nêu trên trước thời gian quy định và bảo đảm chất lượng, hiệu quả từ 02 ngày trở lên /1 nhiệm vụ thưởng 1 điểm nhưng tối đa không quá 5 điểm. |  |  |  |
| \* Nếu hoàn thành kịp thời và bảo đảm chất lượng, hiệu quả 01 nhiệm vụ đột xuất thưởng 1 điểm nhưng tối đa không quá 5 điểm. |  |  |  |
| 1. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính
 |  |  |  |
| * Đơn vị đạt từ 93 điểm trở lên
 | *5* |  |  |
| - Đơn vị đạt từ đạt từ 90 đến dưới 93 điểm  | *4* |  |  |
| * Đơn vị đạt từ đạt từ 85 đến dười 90 điểm
 | *3* |  |  |
| * Đơn vị đạt dưới 85
 | *1* |  |  |
| Đơn vị được Sở Y tế khen thưởng Giấy khen  |  | *0.5* |  |
| 1. Thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin (đạt từ 90 trở lên).
 |  |  |  |
| * Đơn vị đạt từ 93 điểm trở lên
 | *5* |  |  |
| - Đơn vị đạt từ đạt từ 90 đến dưới 95 điểm  | *4* |  |  |
| * Đơn vị đạt từ đạt từ 85 đến dười 90 điểm
 | *3* |  |  |
| * Đơn vị đạt dưới 85
 | *1* |  |  |
| Đơn vị được Sở Y tế khen thưởng Giấy khen  |  | *0.5* |  |
| Đơn vị có CC, VC, NLĐ có đề tài, sáng kiến đạt cấp cơ sở |  | 1 |  |
| 1. Kết quả thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Sở Y tế
 | *5* |  |  |
| - Không gửi 01 báo cáo đột xuất (khi có chỉ đạo của Sở Y tế) |  |  | 0.25 |
| - Không gửi 01 báo cáo định kỳ hàng tháng (nếu không gửi 03 báo cáo tháng trong năm trở lên sẽ không đạt chỉ tiêu này) |   |  | 0.25 |
| - Không gửi 01 báo cáo định kỳ quí 1, 6 tháng đầu năm, 9 tháng |   |  | 1 |
| - Không gửi báo cáo năm  |   |  | 2 |
| - Gửi 01 báo cáo nêu trên không đúng nội dung hoặc thời gian qui định (trễ 01 ngày làm việc)  |   |  | 0.1 |
| 1. TIÊU CHÍ KHẮC PHỤC NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA QUA CÁC CUỘC KIỂM TRA, GIÁM SÁT
 | **10** |  |  |
| Tổng cộng | **100** |  |  |

Đơn vị tự đánh giá, xếp loại hoàn thành ………… nhiệm vụ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Tiền Giang, ngày tháng năm 202….***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên và ghi rõ họ tên)* |

\* Lưu ý cách chấm điểm:

- Tất cả các tiêu chí trên đều được lượng hóa thành điểm.

- Sử dụng phương pháp so sánh để đánh giá, chấm điểm.

Có một số tiêu chuẩn có điểm thưởng, nếu thực hiện hoàn thành các tiêu chuẩn còn lại sẽ có điểm cộng tương ứng, hoặc ngược lại không hoàn thành từng chỉ tiêu thi đua sẽ có điểm trừ được quy định trong bảng điểm.

- Mức đánh giá, xếp loại như sau:

+ Tập thể đạt 98 điểm trở lên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Tập thể đạt 93 đến < 98 điểm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Tập thể đạt 85 đến < 93 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ.

+ Tập thể đạt <85 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ./.